

Bản án số: 495/2024/DS-PT

Ngày: 13-9-2024

V/v “Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tông
Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 về “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3305/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Trung H năm 1989; địa chỉ: số D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: số I, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn P năm 1962;

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Thanh T năm 1995;

Địa chỉ: số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Ông Phạm Thanh V năm 1990;

Địa chỉ: số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tông VÔNG Nguyễn Trung H năm 1989; địa chỉ: số D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre Địa chỉ liên hệ: số I, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn P1 bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H1 bày:

Bà C1 đứng tên phần đất thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 16 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V420244, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00751QSĐĐ/4010/QĐ-UB, diện tích 5547 m², tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre Đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C2 hộ bà C1 bà Phạm Thị T1 di của bà C(đã chết năm 2021, bà T1 không có chồng con, cha mẹ bà T1 chết đã lâu) và các con bà C3 Phạm Thị Thanh T2 Phạm Thanh VNguồn gốc phần đất do bà Phạm Thị T3 và được Ủy ban nhân dân huyện C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004.

Bà C4 trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất trên từ khi được cho đất đến nay. Trên đất bà C1 trồng cây vú sữa, cây me, cây tre và cây trâm bầu. Ngày 06/8/2007, bà C1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh S phần đất diện tích 1340 m² thuộc thửa đất 203, tờ bản đồ số 16. Cuối năm 2021, ông Phạm Văn P2(còn gọi là Ba L đến nhà bà C5 yêu cầu bà C6 nhượng cho ông phần đất của bà C7 thửa đất số 203 với tổng diện tích 4206,3 m² nhưng bà C8 đồng ý vì đất này gia đình bà C9 sinh sống và canh tác. Đến khoảng tháng 3/2022, ông P3 tự ý chặt phá cây trồng trên đất và ngang nhiên vào đất của bà C10 dừa, chuối, đào ao nuôi cá và cất nhà tạm trên thửa đất nêu trên mà không có sự đồng ý của bà CBà C11 nhiều lần yêu cầu ông P4 được sử dụng thửa đất nêu trên nhưng ông P4 quan tâm mà vẫn tiếp tục canh tác. Do bà C5 ông P5 quan hệ họ hàng nên bà C11 nhiều lần nhún nhường, bà C3 phụ nữ, nhà đơn chiếc nên mỗi lần ngăn cản là ông P6 và hăm dọa. Hiện ông P7 ở và canh tác trên phần đất của bà C12 hăm dọa chửi mắng bà CVụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 24/02/2023 nhưng không thành.

Nay bà C13 cầu ông P8 lại cho bà phần đất có diện tích 4206,3 m² thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre đồng thời tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà tạm, cây trồng và lấp ao nuôi cá để khôi phục hiện trạng đất ban đầu cho bà C14 đất đang tranh chấp có 01 căn nhà bằng tôn cất tiền chế do ông P9, có cây trồng trên đất là chuối và dừa do ông P10 trồng. Bà C13 cầu ông P8 lại đất như hiện trạng ban đầu và bà không

chịu chi phí bồi thường cho việc di dời nhà và cây trồng của ông PBà C15 yêu cầu ông P11 thường cây trồng mà ông P3 chặt phá trên đất của bà C

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn P12 bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ gia đình họ phạm. Ông bà tổ tiên ông có khai khẩn 02 thửa đất tọa lạc ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre diện tích khoảng 4.000 m² và tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre diện tích 5.547 m² theo sổ đất. Ông bà nội ông gìn giữ đất đến khi ông bà chết thì cha ông là người trực tiếp làm chủ 02 phần đất này, chính quyền và nhân dân địa phương ai cũng biết cha ông làm chủ 02 phần đất này.

Ông bà nội ông có 02 con trai, bác ông và cha ông (là con út), còn lại là nữ là bà T1bà 10 B (mẹ bà C16 10 Đcô T2Đến năm 1969, bác và cha ông bị bom đạn chiến tranh nên đều đã chết, mẹ ông bị giặc bắt tù đày. Bác và cha ông được nhà nước công nhận là liệt sĩ, chôn cất tại đây, mồ mã ông cố ông và các cô đã chết cũng chôn cất tại phần đất đang tranh chấp.

Phần đất ông bà họ Phạm còn lại hiện nay khoảng 9.000 m² là đất hương hỏa. Sau khi cha ông chết người cô thứ 5 tên là Phạm Thị T4 lý đất, cô là người tật nguyên, sống độc thân.

Sau đó cô ông thấy cha mẹ bà C11 chết nên cô mới mang 03 anh em của bà C17 nuôi đến lớn, cô gả bà C18 chồng và có con. Qua thời gian thì C19 chồng con quay trở lại ở đến nay.

Đến khi nhà nước đo đạc, bà T1lớn tuổi, tật nguyên, không có làm giấy chứng minh nhân dân. Cán bộ đo đạc nói trong gia đình ai có giấy CMND thì đưa ra để ghi tên mới được cấp sổ, bà C1 giấy chứng minh nhân dân nên được ghi tên cấp sổ chủ quyền đất. Không có sự họp mặt gia đình, không có di chúc gì, không có giấy ủy quyền. Đây là lời tường thuật của bà C20 buổi hòa giải tại ấp ngày 24/6/2022 biên bản, nhưng hòa giải không thành, chuyển đơn đến hội đồng hòa giải xã H

Nay ông được sự thống nhất của các chú bác cho phép ông về dọn vườn và trồng trọt tại đây. Gia đình anh em chú bác thấy ông là cháu nội út, có trách nhiệm thờ cúng ông bà tổ tiên và được hưởng tài sản này mà ông cha để lại. Còn C3 cháu kêu cô ông bằng dì là cháu ngoại, là người khác máu, khác họ nên không thể nối nghiệp dòng họ Phạm. Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị C21 quyền sử dụng đất đang tranh chấp (gồm 02 thửa đất khoảng 9000 m²) cho tôi để chia ra 06 phần bằng nhau, thờ cúng ông bà và 05 người con của ông nội, đây là sự sắp xếp của nội bộ gia đình. Ông được sự thống nhất của anh em trong nhà nên mới vào canh tác phần đất mới trên, trên phần đất có mộ của cha ông Phạm Văn L1 và bác ông Phạm Văn R Ông không biết bà Phạm Thị Ú bà Phạm Thị C22 ai.

Người có quyền lợi liên quan bà Phạm Thị Thanh T2 bà Phạm Thanh V1: thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị C.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C

Buộc ông Phạm Văn P13 dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C23 các thửa 203, tờ bản đồ số 16 diện tích 4.200,0 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Buộc ông Phạm Thanh P14 dời căn nhà có kết cấu lợp tôn xi măng, nền đất, vách tôn ximăng ra khỏi phần đất thuộc 203, tờ bản đồ số 16 diện tích 4.200,0m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

Tạm giao cây trồng có trên thửa 203, tờ bản đồ số 16 diện tích 4.200,0m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà Nguyễn Thị C24 Phạm Thị T2 anh Phạm Thanh V2 lý, sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/7/2024, bị đơn Phạm Văn P15 cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị C

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Văn P16 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm

sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn P17 Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn ông Phạm Văn P15 cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C, bà Phạm Thị Thanh T2 ông Phạm Thanh V3 ông Nguyễn Trung H2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C25 kiện yêu cầu buộc ông Phạm Văn P13 dứt hành vi cản trở phần đất thuộc thửa 203, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông P4 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C26 cho rằng đất của dòng họ P2 ông được sự đồng ý của dòng họ cho canh tác đất.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn P2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị C27 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 420244 ngày 18/6/2004 nên bà C28 quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và bà là người trực tiếp canh tác, sử dụng, đóng thuế nhà, đất theo đúng qui định của pháp luật. Tháng 3/2022, ông P18 ý chặt phá cây trồng và ngang nhiên vào phần đất của bà trồng dưa, chuối, đào ao và cất nhà tạm. Bà C13 cầu ông P8 lại đất như hiện trạng ban đầu và bà không chịu chi phí bồi thường cho việc di dời nhà và cây trồng của ông P

[2.2] Theo bị đơn, phần đất thuộc thửa 203, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre của dòng họ P2, việc bà C28 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có sự đồng ý của dòng họ là trái quy định, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, ông được sự đồng ý của dòng họ vào phần đất trên canh tác. Ông yêu cầu bà C29 phần đất nêu trên làm 06 phần bằng nhau để thờ cúng ông bà.

[2.3] Xét thấy: Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C30 hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Năm 2007, bà C21 nhượng một phần đất cho ông Nguyễn Thanh S1 ai có ý kiến gì. Bà C1 đầy đủ các quyền và nghĩa vụ sử dụng thửa đất đã được cấp theo quy định tại Điều 166 Luật Đất đai mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, khi bà C sử dụng diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình thì ông P3 có hành vi cản trở không cho bà C sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, ông P19 nhận ông đã có hành vi cản trở và sẽ tiếp tục cản trở, không cho phép bà C sử dụng phần đất mà

bà C28 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì phần đất của dòng họ phạm ông.

Như vậy, việc ông P5 hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của bà C31 với diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V420244 ngày 18/6/2004 là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của người sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C32 buộc ông P20 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà C3 phù hợp.

[2.4] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2024, trên thửa 203, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre có 01 căn nhà có kết cấu lợp tôn xi măng, nền đất, vách tôn ximăng, cột cây; 05 ngôi mộ, cây trồng có dừa, chuối và sả. Nhà, cây trồng do ông P9, cây trồng do ông P21. Bà C13 cầu ông P22 dời nhà, cây trồng trả lại đất như hiện trạng ban đầu và bà không chịu chi phí bồi thường cho việc di dời nhà và cây trồng của ông P23 thấy đối với căn nhà là nhà tạm, di dời được, việc ông P24 dựng khi chưa có sự đồng ý của bà C3 không đúng nên cần buộc ông P22 dời nhà, trả đất cho bà C1. Riêng đối với phần cây trồng trên đất, bà C1 yêu cầu ông P21, ông P4 có ý kiến gì đối với phần cây trồng này. Xét việc di dời cây trồng sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phần đất của bà Nguyễn Thị C33 đây là cây trồng hằng năm, không thể di dời; ông P4 có ý kiến đối với phần cây trồng này nên cần giữ nguyên hiện trạng, tạm giao cho bà C34 lý.

[2.5] Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã ra thông báo về việc làm đơn khởi kiện, nhưng hết hạn của thông báo ông P16 không thực hiện nên được coi là từ bỏ yêu cầu khởi kiện.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C35 có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn ông Phạm Văn P15 cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn P2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do ông Phạm Văn P1 người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn P2;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 149, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 166 Luật Đất đai; Điều 169 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C

Buộc ông Phạm Văn P13 dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C23 các thửa 203, tờ bản đồ số 16 diện tích 4.200,0 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (*có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*).

Buộc ông Phạm Thanh P14 dời căn nhà có kết cấu lợp tôn xi măng, nền đất, vách tôn ximăng ra khỏi phần đất thuộc 203, tờ bản đồ số 16 diện tích 4.200,0 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Tạm giao cây trồng có trên thửa 203, tờ bản đồ số 16 diện tích 4.200,0 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà Nguyễn Thị C24 Phạm Thị T2 anh Phạm Thanh V2 lý, sử dụng.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh P25 người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

- Chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Thanh P26 cho bà Nguyễn Thị C36 (Tám triệu năm trăm lẻ hai ngàn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thanh P11 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng